



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG HỌC

*Đơn vị tổ chức đào tạo: Khoa Chính trị quốc tế và Ngoại giao
Phòng D719, Email: KHOACHINHTRIQUOCTE@dav.edu.vn*

❖ Mục tiêu:

Chương trình cử nhân Ngành Châu Á – Thái Bình Dương học hướng tới việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức nền tảng về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, pháp luật; am hiểu về khu vực Châu Á-Thái Bình Dương; có kiến thức lý thuyết sâu và kiến thức thực tiễn về chuyên ngành lựa chọn (Hoa Kỳ học, Trung Quốc học, Hàn Quốc học hay Nhật Bản học) và thông thạo ngoại ngữ liên quan đến chuyên ngành lựa chọn; có năng lực nghiên cứu, khả năng dẫn dắt về chuyên môn nghiệp vụ và tự học để nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp; có kỹ năng làm việc độc lập hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn và khả năng thích ứng cao trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế; có phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức trách nhiệm với xã hội và tinh thần phụng sự.

❖ Chuẩn đầu ra:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành Châu Á Thái Bình Dương học, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Mã CDR	Nội dung CDR	Trình độ năng lực
I. KIẾN THỨC		
PLO1	Giải thích được các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật đại cương.	2/6
PLO2	Áp dụng các nguyên lý, quy luật của lịch sử và xã hội để nắm bắt các sự kiện và diễn tiến tại khu vực Châu Á- Thái Bình Dương.	3/6
PLO3	Áp dụng các kiến thức bổ trợ về kinh tế quốc tế, luật quốc tế, truyền thông quốc tế, công tác ngoại giao để tìm hiểu, và nghiên cứu các vấn đề quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.	3/6
PLO4	Áp dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế, các kiến thức cơ bản về lịch sử quan hệ quốc tế và phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế để tìm hiểu, đánh giá các sự kiện, vấn đề diễn ra tại một số quốc gia chủ chốt (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) và khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.	3/6
PLO5	Phân tích thực tiễn quan hệ quốc tế tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và chính sách đối ngoại của Việt Nam trên cơ sở vận dụng các kiến thức chuyên ngành về các vấn đề chính trị quốc tế, an ninh quốc tế, khu vực và khu vực học, chính sách đối ngoại.	4/6
PLO6	Phân tích các vấn đề liên quan đến quốc gia thuộc chuyên ngành đào tạo (Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc) trên cơ sở vận dụng các kiến thức chuyên sâu về đất nước con người, lịch sử, văn hóa xã hội, văn học nghệ thuật, kinh tế, chính trị, truyền thông...	4/6



II. KỸ NĂNG		
PLO7	Có kỹ năng phân tích, lập luận, tư duy phản biện, nhận diện và giải quyết vấn đề chuyên sâu trong quan hệ quốc tế và hoạt động đối ngoại;	4/5
PLO8	Có kỹ năng mềm như thuyết trình, xây dựng dự án, làm việc độc lập, làm việc nhóm, thích ứng với các môi trường làm việc khác nhau, với các nền văn hoá khác nhau.	3/5
PLO9	Thực hành hiệu quả các kỹ năng cơ bản của công tác đối ngoại như lễ tân, tổ chức sự kiện đối ngoại, tổ chức đón đoàn đối ngoại, giao tiếp đối ngoại, viết báo cáo, đàm phán....	4/5
PLO10	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ liên quan đến chuyên ngành học, đồng thời có khả năng đọc, dịch, tổng hợp thông tin, viết báo cáo hay trình bày về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực QHQT bằng ngoại ngữ.	4/5
PLO11	Đạt chuẩn tin học cơ bản, có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và xử lý các văn bản, thông tin phục vụ cho các công việc chuyên môn.	3/5
III. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM		
PLO12	Có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn và tự bổ sung kiến thức, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	4/5
PLO13	Trung thành với lợi ích quốc gia - dân tộc và tinh thần phụng sự nhân dân, đất nước; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức làm việc chuyên nghiệp; có tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp.	4/5

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6), Dave: Kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)



❖ Cấu trúc và nội dung CTĐT: 121 tín chỉ

1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 13 tín chỉ

(Không bao gồm học phần Năng lực số, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Triết học Mác - Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt
6	Pháp luật đại cương	IL.003.02	02	Tiếng Việt
7	Năng lực số	IT.002.02	02	Tiếng Việt
8	Giáo dục thể chất	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	AAD.002.08	08	Tiếng Việt



1.2. KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 24 TÍN CHỈ

Khối lượng học tập Ngoại ngữ trong Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Châu Á – Thái Bình Dương học là 24 tín chỉ bắt buộc. Sinh viên học 01 Ngoại ngữ tương ứng với chuyên ngành của mình: tiếng Anh đối với Hoa Kỳ học, tiếng Trung đối với Trung Quốc học, tiếng Nhật đối với Nhật Bản học, và tiếng Hàn đối với Hàn Quốc học.

1.3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC BỔ TRỢ: 15 TÍN CHỈ

Sinh viên lựa chọn 05 học phần trong số các học phần dưới đây:

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.046.03	03	Tiếng Việt
2	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
3	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
4	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt
5	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt
6	Ngoại giao văn hoá	IC.010.03	03	Tiếng Việt
7	Công pháp quốc tế	IL.005.03	03	Tiếng Việt
8	Luật hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt



1.4. KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP: 43 TÍN CHỈ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
Kiến thức cơ sở ngành: 13 tín chỉ				
1	Lịch sử văn minh thế giới	FC.007.02	02	Tiếng Việt
2	Chính trị học đại cương	FC.010.02	02	Tiếng Việt
3	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.045.03	03	Tiếng Việt
4	Lý luận quan hệ quốc tế	IR.008.03	03	Tiếng Việt
5	Phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế	AP.049.03	03	Tiếng Việt
Kiến thức chuyên ngành: 30 tín chỉ				
Bắt buộc (15 Tín chỉ)				
1	Nhập môn Châu Á - Thái Bình Dương	AP.001.03	03	Tiếng Việt
2	Địa chính trị Châu Á – Thái Bình Dương	AP.003.03	03	Tiếng Việt
3	An ninh Châu Á – Thái Bình Dương	IR.016.03	03	Tiếng Việt
4	Đất nước học Trung Quốc/ Đất nước học Hàn Quốc/ Đất nước học Nhật Bản/ Đất nước học Hoa kỳ	AP.004.03 AP.014.03 AP.024.03 AP.034.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại Ngữ
5	Lịch sử Trung Quốc/ Lịch sử Hàn Quốc/ Lịch sử Nhật Bản/ Lịch sử Hoa kỳ	AP.005.03 AP.015.03 AP.025.03 AP.035.03	03	Tiếng Việt/ Ngoại ngữ



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Tự chọn cho từng chuyên ngành (15 Tín chỉ)				
<i>Sinh viên lựa chọn 05 học phần trong số các học phần dưới đây theo từng chuyên ngành</i>				
Trung Quốc học				
1	Hệ thống chính trị Trung Quốc	AP.006.03	03	Tiếng Việt/ Trung
2	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Trung Quốc	AP.007.03	03	Tiếng Việt/ Trung
3	Chính sách đối ngoại Trung Quốc	AP.008.03	03	Tiếng Việt/ Trung
4	Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương	AP.050.03	03	Tiếng Việt/ Trung
5	Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc	AP.051.03	03	Tiếng Việt/ Trung
6	Kinh tế Trung Quốc	AP.010.03	03	Tiếng Việt/ Trung
7	Văn hóa Trung Quốc	AP.052.03	03	Tiếng Việt/ Trung
8	Vấn đề xã hội của Trung Quốc đương đại	AP.053.03	03	Tiếng Việt/ Trung
9	Truyền thông Trung Quốc	AP.013.03	03	Tiếng Việt/ Trung



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Hàn Quốc học				
1	Hệ thống chính trị Hàn Quốc	AP.016.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
2	Tư tưởng và tôn giáo Hàn Quốc	AP.017.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
3	Chính sách đối ngoại Hàn Quốc	AP.018.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
4	Quan hệ đối ngoại của Hàn quốc tại Châu Á - Thái Bình Dương	AP.054.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
5	Quan hệ Việt Nam – Hàn Quốc	AP.055.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
6	Kinh tế Hàn Quốc	AP.020.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
7	Văn hóa Hàn Quốc	AP.056.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
8	Văn hóa doanh nghiệp Hàn Quốc	AP.022.03	03	Tiếng Việt/ Hàn
9	Xã hội Hàn Quốc	AP.057.03	03	Tiếng Việt/ Hàn



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO

Nhật Bản học				
1	Kinh tế Nhật Bản	AP.030.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
2	Chính sách đối ngoại Nhật Bản	AP.028.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
3	Hệ thống chính trị Nhật Bản	AP.026.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
4	Xã hội Nhật Bản	AP.061.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
5	Quan hệ đối ngoại của Nhật Bản tại Châu Á - Thái Bình Dương	AP.058.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
6	Văn hóa Nhật Bản	AP.060.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
7	Tư tưởng chính trị và tôn giáo Nhật Bản	AP.027.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
8	Văn hóa doanh nghiệp Nhật Bản	AP.032.03	03	Tiếng Việt/ Nhật
9	Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản	AP.059.03	03	Tiếng Việt/ Nhật



Hoa Kỳ học				
1	Hệ thống chính trị Hoa Kỳ	AP.036.03	03	Tiếng Việt/ Anh
2	Tư tưởng chính trị và Tôn giáo Hoa Kỳ	AP.037.03	03	Tiếng Việt/ Anh
3	Chính sách đối ngoại Hoa Kỳ	AP.038.03	03	Tiếng Việt/ Anh
4	Quan hệ đối ngoại của Hoa Kỳ tại Châu Á - Thái Bình Dương	AP.062.03	03	Tiếng Việt/ Anh
5	Quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ	AP.063.03	03	Tiếng Việt/ Anh
6	Kinh tế Hoa Kỳ	AP.040.03	03	Tiếng Việt/ Anh
7	Văn hoá - xã hội Hoa Kỳ	AP.041.03	03	Tiếng Việt/ Anh
8	Văn hóa kinh doanh Hoa Kỳ	AP.066.03	03	Tiếng Việt/ Anh
9	Truyền thông Hoa Kỳ	AP.043.03	03	Tiếng Việt/ Anh



1.5. KHỐI KIẾN THỨC KỸ NĂNG: 14 TÍN CHỈ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy
Học phần bắt buộc			06	
1	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	IR.024.02	3	Tiếng Việt
2	Đàm phán quốc tế	IR.026.03	3	Tiếng Việt/ Trung/ Nhật/ Hàn/ Anh
Học phần tự chọn : Sinh viên chọn 03 học phần trong số các học phần dưới đây			08	
1	Kỹ năng tư duy phản biện	E.041.03	2	Tiếng Việt/ Anh
2	Kỹ năng thuyết trình	AP.044.03	2	Tiếng Trung/ Nhật/ Hàn/ Anh
3	Giao tiếp liên văn hoá	E.035.03	3	Tiếng Việt/ Anh/Trung/ Nhật/ Hàn
4	Phân tích sự kiện quốc tế khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	AP.047.03	3	Tiếng Việt
5	Xây dựng dự án	E.032.03	3	Tiếng Việt/ Anh
6	Phát triển nghề nghiệp	E.034.03	3	Tiếng Việt/ Anh



1.6. HƯỚNG NGHIỆP, THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP: 12 TÍN CHỈ (*)

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	<i>Hướng nghiệp (*)</i>	AAD.080.0 2	2	Tiếng Việt
2	<i>Thực tập cuối khóa (*)</i>	AP.045.03	3	Tiếng Việt
3	Khoá luận tốt nghiệp hoặc học 04 học phần được lựa chọn trong khối kiến thức chuyên ngành tự chọn (**)	AP.046.12	12	Tiếng Việt/ hoặc Tiếng Trung/ Nhật/ Hàn/ Anh

(*) Không bao gồm số tín chỉ của các học phần Hướng nghiệp và Thực tập

(**) Việc làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần tốt nghiệp phụ thuộc vào kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn (theo Quy định riêng về Khoá luận tốt nghiệp)